

V/v Công khai thông tin môi trường

Đồng Nai, ngày 20 tháng 06 năm 2024

Kính gửi: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chúng tôi là: Công ty TNHH May Million Win (Việt Nam) .

Địa chỉ dự án: KCN Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Là chủ đầu tư của Dự án “Nhà máy sản xuất các sản phẩm may mặc (không có công đoạn giặt tẩy), quy mô 720.000 sản phẩm/năm và cho thuê nhà xưởng, các công trình phụ trợ, diện tích 10.073,54 m²”

Đã được Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp giấy phép môi trường số 88/GPMT-KCNĐN ngày 19/6/2024.

Căn cứ Khoản 1, Điều 102, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công ty chúng tôi xin gửi đến quý công ty Giấy phép môi trường của dự án (đính kèm theo văn bản) để quý công ty thực hiện công khai thông tin môi trường trên trang thông tin điện tử.

Kính mong Quý Công ty xem xét.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Cty.





UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 88 /GPMT-KCNĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 19 tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-KCNĐN ngày 19/3/2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất các sản phẩm may mặc (không có công đoạn giặt tẩy), quy mô 720.000 sản phẩm/năm và cho thuê nhà xưởng, các công trình phụ trợ, diện tích 10.073,54 m²” của Công ty TNHH May Million Win (Việt Nam) tại KCN Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ văn bản số 853/KCNĐN-MT ngày 11/4/2024 và văn bản số 1226/KCNĐN-MT ngày 22/5/2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH May Million Win (Việt Nam) tại Văn bản số 03/VBGT-MMW đề ngày 31/5/2024 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất các sản phẩm may mặc (không có công đoạn giặt tẩy), quy mô 720.000 sản phẩm/năm và cho thuê nhà xưởng, các công trình phụ trợ, diện tích 10.073,54 m²” tại KCN Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

Số 26, đường 2A, KCN Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

ĐT: (0251)3892 378;

Email: bqlkcn@dongnai.gov.vn;

Fax: (0251) 3892 379

Website: <http://diza.dongnai.gov.vn>

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH May Million Win (Việt Nam) (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY MILLION WIN (VIỆT NAM): Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm may mặc (không có công đoạn giặt tẩy), quy mô 720.000 sản phẩm/năm và cho thuê nhà xưởng, các công trình phụ trợ, diện tích 10.073,54 m²” tại KCN Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: “CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY MILLION WIN (VIỆT NAM): Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm may mặc (không có công đoạn giặt tẩy), quy mô 720.000 sản phẩm/năm và cho thuê nhà xưởng, các công trình phụ trợ, diện tích 10.073,54 m²”.

1.2. Địa điểm hoạt động: KCN Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên, Mã số doanh nghiệp: 3600488786, đăng ký lần đầu ngày 30/8/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 01/3/2022 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án: 6587264226 đăng ký lần đầu ngày 14/02/2001, chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 17/4/2023, chứng nhận hiệu đính lần thứ nhất ngày 23/5/2024 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3600488786.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các sản phẩm may mặc (không có công đoạn giặt tẩy); cho thuê nhà xưởng, các công trình phụ trợ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Diện tích khu đất của dự án 20.000 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Dự án đầu tư nhóm II (Phân loại theo tiêu chí môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

- Công suất: Sản phẩm may mặc (không có công đoạn giặt tẩy), quy mô 720.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng, các công trình phụ trợ, diện tích 10.073,54 m².

- Quy trình sản xuất, gia công: Nguyên liệu (vải tấm) → Kiểm tra → Cắt → Ép keo (Dùng) → Ép nhiệt (logo, nhãn dán)^(*) → May ráp → Kiểm tra → Đóng nút → Ủi (cấp nhiệt từ lò hơi điện) → Đóng gói → Thành phẩm.

Ghi chú:

(*) : Thực hiện tùy theo nhu cầu của khách hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án:

1. Chủ dự án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 19 tháng 6 năm 2024 đến ngày 19 tháng 6 năm 2034).

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 137/QĐ-KDNĐN ngày 03/07/2018 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai đối với dự án “Mở rộng, nâng công suất sản xuất và gia công các sản phẩm may mặc

(không có công đoạn giặt tẩy), quy mô từ 180.000 sản phẩm/năm lên 11.182.000 sản phẩm/năm” hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 5. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Trảng Bom;
- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hố Nai;
- Chủ dự án (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (TH).

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Trí Phương

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 88 /GPMT-KCNĐN ngày 19/6 /2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải của dự án và của đơn vị thuê nhà xưởng sau xử lý sơ bộ được đưa về hệ thống thu gom nước thải và đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Hồ Nai (tại 01 hố ga đầu nối thuộc đường số 3 của KCN Hồ Nai).

- Chủ dự án đã ký Hợp đồng xử lý nước thải số 03/2012/HĐXLNT ngày 29/06/2012, Phụ lục Hợp đồng số 03/2012/HĐXLNT-PLHĐ ngày 24/05/2024 và Biên bản nghiệm thu đầu nối nước mưa, nước thải ngày 09/5/2024 với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai (đơn vị đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN Hồ Nai).

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN: phải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Hồ Nai theo thỏa thuận giữa Chủ dự án và Chủ đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN Hồ Nai (Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai) tại Hợp đồng xử lý nước thải số 03/2012/HĐXLNT ngày 29/06/2012, Phụ lục Hợp đồng số 03/2012/HĐXLNT-PLHĐ ngày 24/05/2024 và đảm bảo giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào theo đúng Giấy phép môi trường của KCN Hồ Nai.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của dự án với tổng lưu lượng dự kiến 16 m³/ngày đêm được dẫn qua 04 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 30 m³ bằng hệ thống đường ống nhựa PVC Ø90mm, sau đó được đầu nối về hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Hồ Nai bằng hệ thống thoát nước BTCT Ø500. Tổng chiều dài hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của dự án là 680 m.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ đơn vị thuê nhà xưởng với tổng lưu lượng 7,6 m³/ngày đêm qua 03 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 24 m³ (không phát sinh nước thải sản xuất) bằng hệ thống đường ống nhựa PVC Ø90mm về 01 hố ga giám sát riêng; sau đó đưa về hệ thống thu gom, thoát nước thải của Công ty TNHH May Million Win (Việt Nam).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Sơ lược quy trình thu gom, xử lý nước thải: *Nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại 3 ngăn + nước thải sinh hoạt của đơn vị thuê xưởng qua bể tự hoại 3 ngăn (có hố ga giám sát riêng) → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Hồ Nai.*

- Công suất thiết kế: 04 bể tự hoại 3 ngăn cho dự án (01 bể thể tích 2,5 m³; 02 bể thể tích 6 m³/bể, 01 bể thể tích 15,5 m³); 03 bể tự hoại 3 ngăn cho đơn vị thuê nhà xưởng 01 bể thể tích 2,5 m³; 01 bể thể tích 6 m³, 01 bể thể tích 15,5 m³).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của KCN Hồ Nai và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận giữa Chủ dự án và Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN (Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai), không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật.

3.4. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Hồ Nai để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.6. Bố trí hồ ga riêng đảm bảo công tác giám sát nước thải đối với đơn vị thuê nhà xưởng. Chịu trách nhiệm thỏa thuận với đơn vị thuê nhà xưởng, Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN về việc tiếp nhận, giám sát nước thải của đơn vị thuê nhà xưởng trước khi đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 88 /GPMT -KCNDN ngày 19/6 /2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do dự án không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

- Dự án đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; $K_v = 1,0$; K_p theo tổng lưu lượng các nguồn thải), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT. Thực hiện các biện pháp khống chế, giảm thiểu mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả khí thải không được phép ra môi trường.

- Đơn vị thuê lại nhà xưởng đảm bảo biện pháp giảm thiểu, thu gom, xử lý toàn bộ khí thải, bụi, mùi, hơi dung môi phát sinh trong quá trình hoạt động đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của dự án) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT. Thực hiện các biện pháp khống chế, giảm thiểu mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 88 /GPMT -KCNDN ngày 19/6 /2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: từ khu vực cắt vải.
- Nguồn số 02: từ khu vực may.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Nguồn số 01: từ khu vực cắt vải. Tọa độ (X= 1.211.484; Y= 411.623).
- Nguồn số 02: từ khu vực may. Tọa độ (X= 1.211.485; Y= 411.626).

(Theo Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiếu 3⁰).

3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

S T T	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

2.3. Phối hợp với đơn vị thuê nhà xưởng đảm bảo nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 88 /GPMT -KCNĐN ngày 19/6 /2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh dự kiến:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải (bóng đèn Led)	Rắn	19 02 06	NH	30
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	265
3	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	KS	53
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	KS	35
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 01	KS	14
6	Giẻ lau dính dầu	Rắn	18 02 01	KS	192
7	Pin Ni-Cd thải	Rắn	19 06 01	NH	5
8	Pin mặt trời thải (tấm quang năng thải)	Rắn	19 02 08	KS	3.853
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					4.447

Ghi chú: Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Vải vụn, vải thừa, ống chỉ, dây khóa thải	Rắn	-	TT	4.595
2	Chất thải rắn sản xuất không nguy hại thuộc nhóm giấy:	Rắn	18 01 05	TT	640

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
	giấy lót, túi giấy, hộp giấy.				
3	Chất thải rắn sản xuất không nguy hại thuộc nhóm kim loại: thùng, hộp kim loại.	Rắn	18 01 08	TT-R	327
4	Chất thải rắn sản xuất không nguy hại thuộc nhóm nhựa: chai, hộp, túi nhựa	Rắn	18 01 06	TT-R	260
5	Hộp mực in văn phòng	Rắn	08 02 08	TT	16
6	Bùn phát sinh từ bể tự hoại	Bùn	-	-	129
7	Cặn từ quá trình vệ sinh lò hơi (xả đáy nồi hơi)	Bùn	-	-	52
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					6.019

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Nhóm thực phẩm	4,064
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	0,726
Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)		4,790

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, phuy có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao chứa chuyên dụng có nắp đậy.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 30 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có tường bao và mái che bằng tôn, nền được gia cố bằng bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 60 lít, 240 lít tại các khu vực nhà ăn, nhà xưởng, văn phòng làm việc.

2.3.2. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 5 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có tường bao và mái che bằng tôn, nền được gia cố bằng bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Dự án theo quy định.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

4. Đơn vị thuê nhà xưởng sẽ bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường để lưu giữ tạm thời, sau đó được chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

5. Đơn vị thuê nhà xưởng sẽ bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh, thu gom về khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

CH
N
IN
(1)
M
G

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 88 /GPMT -KCNDN ngày 19/6 /2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.
5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.
6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.
8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hố Nai, UBND huyện Trảng Bom, Sở Tài nguyên và Môi

trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới.

14. Đối với hệ thống điện mặt trời mái nhà phục vụ nhu cầu tự sử dụng của dự án: Chủ dự án phải hoàn thành đầy đủ các thủ tục pháp lý liên quan (điện lực, quy hoạch, xây dựng...) trước khi thực hiện.

15. Có trách nhiệm yêu cầu và đảm bảo đơn vị thuê lại nhà xưởng thực hiện thủ tục môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

16. Có trách nhiệm yêu cầu và đảm bảo đơn vị thuê lại nhà xưởng sẽ có biện pháp giảm thiểu, bảo đảm tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn cho phép và phù hợp với từng ngành nghề sản xuất trước khi đi vào hoạt động sản xuất.

17. Có trách nhiệm yêu cầu và đảm bảo đơn vị thuê nhà xưởng ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại theo quy định.

18. Có trách nhiệm yêu cầu và đảm bảo đơn vị thuê nhà xưởng đảm bảo nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

19. Có trách nhiệm yêu cầu và đảm bảo đơn vị thuê nhà xưởng xây dựng phương án, kế hoạch/biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nguy hiểm trong công nghiệp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

